

Unit 7: Education options for school-leavers

Part 1:

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
academic (adj)	/ˌækəˈdemɪk/	có tính chất học thuật, liên quan tới học tập
apprenticeship (n)	/əˈprentɪʃɪp/	thời gian học nghề, học việc thực tế
bachelor's degree (n)	/ˈbætʃələz dɪɡriː/	bằng cử nhân
brochure (n)	/ˈbrəʊʃə/	ấn phẩm quảng cáo, giới thiệu
doctorate (n)	/ˈdɒktərət/	bằng tiến sĩ
entrance exam (np)	/ˈentrəns ɪɡˈzæm/	kì thi đầu vào
formal (adj)	/ˈfɔːml/	chính quy, có hệ thống
graduation (n)	/ˌɡrædʒuˈeɪʃn/	khi tốt nghiệp, lễ tốt nghiệp
higher education (n)	/ˌhaɪər edʒuˈkeɪʃn/	giáo dục đại học
institution (n)	/ˌɪnstɪˈtjuːʃn/	cơ sở, viện (đào tạo)
manage (v)	/ˈmænɪdʒ/	cố gắng (làm được việc gì đó)
master's degree (n)	/ˈmɑːstəz dɪɡriː/	bằng thạc sĩ
mechanic (n)	/məˈkænɪk/	thợ cơ khí
professional (adj)	/prəˈfeʃənl/	chuyên nghiệp, nhà nghề
qualification (n)	/ˌkwɒlɪfɪˈkeɪʃn/	trình độ chuyên môn, văn bằng
school-leaver (n)	/ˈskuːl liːvə/	học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông
sixth-form college (n)	/ˈsɪksθ fɔːm kɒlɪdʒ/	trường dành cho học sinh từ 16-19 tuổi và tập trung vào các trình độ A-levels nhằm chuẩn bị cho sinh viên vào các trường đại học
vocational school (n)	/vəʊˈkeɪʃənl skuːl/	trường dạy nghề

Noun			
1	Fair	/feə(r)/	Hội chợ
2	Option	/ˈɒpʃn/	Lựa chọn
3	Biology	/baɪˈɒlədʒi/	Môn sinh học

4	Mechanic	/mə'kænik/	Thợ sửa máy
5	Knowledge	/'nɒlɪdʒ/	Kiến thức
6	Graduation	/grædʒu'eɪʃn/	Tốt nghiệp
7	Qualification	/kwɒlɪfɪ'keɪʃn/	Bằng cấp
8	Satisfaction	/sætɪs'fækʃn/	Sự thỏa mãn
9	Apprenticeship	/ə'prentɪʃɪp/	Thực tập
10	Duration	/dʒu'reɪʃn/	Thời lượng
11	Appointment	/ə'pɔɪntmənt/	Sự hẹn gặp
12	Opportunity	/ɒpə'tju:nəti/	Cơ hội
13	Degree	/di'ɡri:/	Bằng cấp
Verb			
1	Regret	/rɪ'ɡret/	Hối tiếc
2	Accept	/ək'sept/	Chấp nhận
3	Gain	/geɪn/	Thu được, đạt được
4	Pursue	/pə'sju:/	Theo đuổi
Adjective			
1	Academic	/ækə'demɪk/	Học thuật
2	Particular	/pə'tɪkjələ(r)/	Cụ thể
3	Sensible	/'sensəbl/	Nhạy cảm
4	Practical	/'præktɪkl/	Thực tế, thực dụng
5	Hands-on	/hændz 'ɒn/	Thực tế
6	Available	/ə'veɪləbl/	Sẵn có
Phrases			
1	Vocational school	/vəʊ'keɪʃənl sku:l/	Trường dạy nghề
2	Make decision	/meɪk dɪ'sɪʒn/	Quyết định
3	School leaver	/sku:l 'li:və(r)/	Học sinh ra trường
4	Job skill	/dʒɒb skɪl/	Kỹ năng công việc
5	Training course	/'treɪnɪŋ kɔ:s/	Khóa đào tạo

6	University entrance exam	/ˌjuːnɪˈvɜːsəti ˈentrəns ɪgˈzæm/	Thi vào đại học
7	Critical thinking	/ˈkrɪtɪkl ˈθɪŋkɪŋ/	Tư duy phản biện

Ex I: Find the word which has a different sound in the part underlined.

1. A. knowledge B. kangaroo C. killer whale D. cucumber
2. A. grader B. graduate C. regret D. biology
3. A. mechanic B. schooling C. research D. characteristics
4. A. duration B. pursue C. university D. future
5. A. degree B. peer C. breeze D. fleet
6. A. decision B. television C. mission D. explosion
7. A. training B. innocent C. hundred D. earn
8. A. growth B. solution C. moment D. chosen
9. A. requests B. prepares C. clubs D. studies
10. A. thinking B. toothache B. everything D. together

Ex II: Choose a word that has a different stress pattern from others.

1. A. option B. accept C. entrance D. project
2. A. information B. qualification C. opportunity D. institution
3. A. satisfaction B. education C. academic D. particular
4. A. biology B. apprenticeship C. competition D. development
5. A. appointment B. critical C. several D. sensible
6. A. available B. vocational C. specific D. secondary
7. A. article B. represent C. emphasize D. marvellous
8. A. because B. market C. broader D. heaven
9. A. acceptable B. immediate C. introduction D. commemorate
10. A. completed B. advantage C. decision D. business

Ex III: Say the words out loud and odd one out.

1. A. sensible B. scientist C. practical D. useful
2. A. policy B. commerce C. trade D. politics

- | | | | |
|-----------------|---------------|-----------------|----------------|
| 3. A. important | B. continue | C. common | D. jealous |
| 4. A. college | B. university | C. kindergarten | D. business |
| 5. A. repair | B. construct | C. option | D. exchange |
| 6. A. talkative | B. formal | C. independent | D. journey |
| 7. A. career | B. mission | C. occupation | D. job |
| 8. A. happen | B. reason | C. action | D. meaning |
| 9. A. apply | B. reply | C. classify | D. hardly |
| 10. A. subject | B. tourism | C. assignment | D. examination |

Ex IV: Match.

1. pass		a. a car repair shop
2. follow		b. practical skills
3. win		c. our dreams
4. own		d. different clubs at school
5. make		e. a new job
6. earn		f. household chores
7. get		g. some interesting questions
8. learn		h. new friends
9. ask		i. a short presentation
10. prepare		j. some competitions
11. do		k. a lot of money
12. join		l. the university entrance exam

Ex V: Circle the best word.

- We got a lot of useful **information/informations** from the education fair last weekend.
- Jack decided to go to a vocational school **instead/instead of** a university to learn skills for particular jobs.
- Her parents are very proud of her when she passes the entrance exam **to/for** a well-known university.
- I have to take the exam to be accepted **into/to** my favorite university.
- They want to gain practical skills and knowledge necessary for a specific **job/career**.

6. Apprenticeship can provide students with hands-on experience and wages to cover their living **prices/costs**.

7. College or university students usually have an advantage **over/above** those from vocational schools.

8. **What/Which** of the two options is more appropriate for you after leaving school, Jane?

Pham Thu Tra - 0989552182

9. I would **applaud/appreciate** if you could tell me qualifications needed for that course.

10. Jim has good qualifications, so he has **broader/larger** career options and an advantage in the job market.

Ex VI: Match the words to make phrases.

1. bread		a. skills
2. running		b. training
3. vocational		c. options
4. car		d. fair
5. school		e. experts
6. job		f. leavers
7. practical		g. competitions
8. interview		h. experience
9. training		i. mechanic
10. educational		j. winner
11. career		k. questions
12. hands-on		l. course

Ex VII: Choose the best answer.

1. Will he his study at a college or university or go to a vocational school?

A. continue B. pursue C. complete D. graduate

2. The man is writing a letter to information about a tour guide training course.

A. push B. force C. request D. demand

3. The woman would like to give me some advice on to prepare for my university entrance exam next year.

A. who B. how C. when D. where

4. Some people prefer to into a vocational course or find a job after graduation.

A. have B. take C. look D. get

5. Do students study subjects they are interested in or the related to higher education?

A. one B. ones C. thing D. things

6. Harry's parents are very of him because he won the first prize in the running competition.

A. happy B. pleased C. jealous D. proud

7. What program or training for that job does the course he told you?

A. offer B. apply C. enroll D. encourage

8. They spend more time actual work opportunities that prepare them for their future jobs.

A. explore B. to explore C. exploring D. explored

9. When the group do the actual job, they learn to physically the equipment.

A. transport B. operate C. transform D. install

10. The new job allows Jim to become a employee and build a career much faster than expected.

A. priceless B. valued C. costly D. valuable